

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kôm Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huấn	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Minh	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tuấn Anh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Thanh Sang	Thành viên độc lập

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Huấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

##### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Bá Huấn - Tổng Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kom Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Nguyễn Bá Huân**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 081202/2020/BCSX-iCPA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**           **Các Cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
                          **Công ty Cổ phần Tài Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tài Nguyên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo soát xét đề ngày 12 tháng 08 năm 2019 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tài Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán đề ngày 16 tháng 03 năm 2020 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



---

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2019-072-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Ngày 12 tháng 08 năm 2020

H.H.H

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>191.348.036.215</b>	<b>167.814.069.295</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>144.717.915</b>	<b>397.688.210</b>
1. Tiền	111	V.1	144.717.915	397.688.210
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>163.167.685.520</b>	<b>139.454.926.242</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	146.185.460.627	136.981.848.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.596.400.000	10.653.700.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	33.270.193.727	10.695.684.832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(19.884.368.834)	(18.876.306.629)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>26.853.272.290</b>	<b>26.764.026.764</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.853.272.290	26.764.026.764
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.182.360.490</b>	<b>1.197.428.079</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.920.566	28.883.332
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.131.096.251	1.142.201.074
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	26.343.673	26.343.673
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>120.735.772.844</b>	<b>136.026.277.696</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>119.134.200.000</b>	<b>119.134.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	119.134.200.000	119.134.200.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.403.604.431</b>	<b>1.704.475.157</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1.403.604.431	1.704.475.157
- Nguyên giá	222		3.429.650.909	3.429.650.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.026.046.478)	(1.725.175.752)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		47.365.000	47.365.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.365.000)	(47.365.000)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>197.968.413</b>	<b>15.187.602.539</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		210.000.000	210.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	15.300.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.031.587)	(322.397.461)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>312.083.809.059</b>	<b>303.840.346.991</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.899.030.376</b>	<b>33.166.128.319</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.089.400.376</b>	<b>32.217.718.319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	34.230.284.659	25.767.307.284
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	5.827.044	246.121.920
3. Phải trả người lao động	314		98.000.000	104.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.292.792.531	983.323.636
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.162.186.142	4.348.405.479
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	300.310.000	768.560.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>809.630.000</b>	<b>948.410.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	809.630.000	948.410.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>269.184.778.683</b>	<b>270.674.218.672</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>269.184.778.683</b>	<b>270.674.218.672</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.000.000.000	255.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.019.000.000	2.019.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.165.778.683	13.655.218.672
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.655.218.672	10.711.163.262
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.489.439.989)	2.944.055.410
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>312.083.809.059</b>	<b>303.840.346.991</b>



**Nguyễn Thị Hồng Tươi**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Bá Huân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.866.920.534	65.754.516.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.866.920.534	65.754.516.329
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.239.482.637	62.360.535.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		627.437.897	3.393.980.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		56.420	2.279.794
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(240.020.763)	(151.405.225)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.345.111	93.636.215
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	39.369.474	130.897.632
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.330.760.460	1.855.307.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.502.614.854)	1.561.460.893
11. Thu nhập khác	31		14.744.565	7.759.578
12. Chi phí khác	32		1.569.700	1.341.568
13. Lợi nhuận khác	40		13.174.865	6.418.010
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.489.439.989)	1.567.878.903
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.489.439.989)	1.567.878.903



**Nguyễn Thị Hồng Tươi**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Bá Huân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 12 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(1.489.439.989)	1.567.878.903
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	300.870.726	300.870.726
Các khoản dự phòng	03	697.696.331	(245.041.440)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(56.420)	(2.279.794)
Chi phí lãi vay	06	70.345.111	93.636.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(420.584.241)	1.715.064.610
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(9.409.716.660)	2.565.029.340
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(89.245.526)	(9.402.473.567)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	10.578.420.541	(779.842.184)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	3.962.766	7.115.234
Tiền lãi vay đã trả	14	(70.345.111)	(93.636.215)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(238.488.484)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	354.003.285	(5.988.742.782)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.420	2.279.794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	56.420	2.279.794
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	27.400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(607.030.000)	(22.207.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(607.030.000)	5.192.970.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(252.970.295)	(793.492.988)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	397.688.210	1.248.420.619
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	144.717.915	454.927.631



Nguyễn Thị Hồng Tươi  
 Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Huân  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 12 tháng 08 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tài Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101881347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2007 và các lần thay đổi. Công ty có 20 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 20 ngày 03 tháng 01 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 255.000.000.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là TNT.

**Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Nghành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản (dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng, bạc, đá quý và kim loại Nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- San lấp mặt bằng các công trình xây dựng; và
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Tuỳ từng lĩnh vực kinh doanh mà chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc trên 12 tháng, cụ thể:

- Đối với hoạt động kinh doanh bán hàng thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoản thời gian không quá 12 tháng.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần Tài Nguyên có 01 Công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên	Km28, thôn Tân Phương, xã Đông Phương Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	100	100	Kinh doanh bất động sản

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho mục đích công bố thông tin.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải truyền dẫn

Năm  
06 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thoả thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) và ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau: Theo các điều khoản thoả thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC hoặc phân chia sản phẩm phụ thuộc vào khả năng có lợi nhất theo thoả thuận của BCC.

**Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	115.952.426	250.314.496
Tiền gửi ngân hàng	28.765.489	147.373.714
<b>Cộng</b>	<b>144.717.915</b>	<b>397.688.210</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (i)	118.189.417.000	118.189.417.000
Công ty TNHH Tần Cương	7.182.843.532	7.182.843.532
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty CP Đầu tư thương mại JELKA	9.203.612.588	-
Các đối tượng khác	216.124.410	216.124.410
<b>Cộng</b>	<b>146.185.460.627</b>	<b>136.981.848.039</b>

(i) Đây là khoản phải thu liên quan đến việc thoái vốn hợp đồng hợp tác đầu tư Dự An nhà ở Tân Thanh và Thi công hạ tầng kỹ thuật khu TDP 123 DA Nậm Rốm:

- Phải thu từ việc thoái vốn theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 02/12/2019 của hợp đồng số 05/2016 ngày 05/01/2016 với tổng số tiền là 162.500.000.000 đồng. Số tiền thanh toán ngay sau ký biên bản này là 45.000.000.000 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ký biên bản này.
- Hợp đồng Ủy quyền số 08/2014/HĐUQ/ĐB-TN ngày 06/03/2017, Công ty CP đầu tư xây dựng Công nghệ Môi trường Điện Biên Ủy quyền cho Công ty CP Tài Nguyên ký Hợp đồng với các nhà thầu thi công xây dựng (Chi tiết các hạng mục trong hợp đồng). Trong đó giá trị "Gói thầu thi công phần hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung tổ dân phố 1,2,3 là 689.417.000 đồng.

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Tư vấn quản lý và Xây dựng Việt Nam	-	7.170.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Long Lâm Điện Biên	1.750.000.000	1.700.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thủy Nga Điện Biên	1.070.000.000	1.070.000.000
Các đối tượng khác	776.400.000	713.700.000
<b>Cộng</b>	<b>3.596.400.000</b>	<b>10.653.700.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	-	2.400.000.000
Nguyễn Bá Huấn	-	2.400.000.000
Phải thu khác	33.270.193.727	8.295.684.832
Trần Thị Dung (i)	15.300.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (ii)	14.970.193.727	5.290.724.832
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Các đối tượng khác	-	4.960.000
<b>Cộng</b>	<b>33.270.193.727</b>	<b>10.695.684.832</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Tổng Công ty Cổ phần MBLand (iv)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn (v)	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (vi)	24.000.000.000	24.000.000.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn	134.200.000	134.200.000
<b>Cộng</b>	<b>119.134.200.000</b>	<b>119.134.200.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>2.400.000.000</b>
<b>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)</b>		

- (i) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần số 2804/2020/HĐCCP giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên và bà Trần Thị Dung ký ngày 28 tháng 04 năm 2020, Công ty thực hiện chuyển nhượng 15.300.000 cổ phần của công ty CP đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên cho bà Trần Thị Dung với giá trị chuyển nhượng là 15.300.000.000 đồng, thời gian thanh toán trong vòng 180 ngày kể từ ngày hoàn tất chuyển nhượng.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2016 ngày 05 tháng 01 năm 2016 của dự án "Khu nhà ở Tân Thanh" và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT ngày 05 tháng 01 năm 2019 của dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên" với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên, Công ty cổ phần Tài Nguyên được ủy quyền thực hiện chi hệ một số chi phí cho hai Dự án trên. Sau đó, Công ty Cổ phần Tài Nguyên thực hiện thu hồi lại số tiền đã thực hiện thanh toán hộ cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên.
- (iii) Khoản này là khoản phải thu về tiền đã đặt cọc của Công ty CP Tài Nguyên cho Công ty CP Tập đoàn Thành Nam để chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Đường Hoàng Sa, phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng, diện tích 2.039m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Tài Nguyên đã khởi kiện Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Nam để thu lại các khoản tiền đã đặt cọc năm 2016 cho Thành Nam. Quyết định của Tòa như sau: Theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về bản án số 142/2019/KDTM-PT ngày 13 tháng 11 năm 2019, về việc tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đặt cọc. Buộc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Nam Phải trả cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán khoản công nợ này chưa được thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

- (iv) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2019-HĐHT/MBL-TN ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc hợp tác đầu tư dự án Tổ hợp khách sạn resort cao cấp tại L0 D11, khu 1 thuộc Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư dự kiến xác định theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3712100577 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp là 660 tỷ đồng, Bên B góp 50 tỷ đồng bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác theo sự thống nhất giữa hai bên, ngoài khoản tiền vốn góp của Bên B, Bên A có trách nhiệm góp toàn bộ số tiền vốn đầu tư còn lại để triển khai thực hiện Dự án. Việc kinh doanh khai thác sản phẩm thuộc Dự án, phân chia lợi nhuận và quyền lợi của mỗi bên sẽ được hai bên thống nhất thông việc ký kết phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm (nếu có).
- (v) Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 0612/2019-HĐHT/TN-TN ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên (Bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn (Bên A là chủ đầu tư) về việc hợp tác thực hiện "Dự án Tổ hợp thương mại, tài chính thương mại, tài chính dịch vụ và nhà ở Thiên Lộc tại xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh". Hợp đồng này để được phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư: Tổng vốn đầu tư dự kiến của Dự án được xác định theo Giấy CNĐT số 3150873043 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp là 150 tỷ đồng, Bên B góp 45 tỷ đồng bằng tiền mặt hoặc tài sản khác theo sự thống nhất giữa hai bên, ngoài khoản tiền vốn góp của Bên B, Bên A có trách nhiệm góp toàn bộ số vốn đầu tư còn lại để triển khai thực hiện Dự án. Việc kinh doanh khai thác sản phẩm thuộc Dự án, phân chia lợi nhuận và quyền lợi của mỗi bên sẽ được hai bên thống nhất qua việc ký kết phụ lục từng thời điểm (nếu có).
- (vi) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2016/HĐHTĐT giữa Công ty Cổ phần Tài Nguyên (bên B) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường tỉnh Điện Biên (Bên A) ký ngày 05 tháng 01 năm 2016 về hợp tác đầu tư Dự án "Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên". Mục đích của việc hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Khu nhà ở phía Tây sông Nậm Rốm, phường Thanh Bình, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trên lô đất có diện tích là 13.323 m<sup>2</sup>. Hợp đồng này để thực hiện phân chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới. Phương thức hợp tác kinh doanh và góp vốn đầu tư, Bên A góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng với diện tích như trên, Bên B góp vốn bằng các chi phí đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác Dự án và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Dự án, số vốn góp của Bên B theo Hợp đồng là 24 tỷ đồng chiếm 65% tổng mức đầu tư của Dự án. Tổng mức đầu tư của Dự án là 37 tỷ đồng. Phân chia lợi nhuận của Dự án theo tỷ lệ vốn góp trên tổng mức đầu tư của Dự án. Bên A ủy quyền cho Bên B được quyền quyết định việc kinh doanh khai Dự án. Bên A với tư cách là Chủ đầu tư và đại diện pháp nhân của Dự án. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, dự án đã hoàn thành, đang thực hiện hoàn thiện thủ tục pháp lý để bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	3.429.650.909	3.429.650.909
Mua trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>3.429.650.909</u>	<u>3.429.650.909</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	1.725.175.752	1.725.175.752
Khấu hao trong kỳ	300.870.726	300.870.726
Số dư cuối kỳ	<u>2.026.046.478</u>	<u>2.026.046.478</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<u>1.704.475.157</u>	<u>1.704.475.157</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>1.403.604.431</u></u>	<u><u>1.403.604.431</u></u>

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 1.403.604.431 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.704.475.157 đồng).

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Số dư cuối kỳ	<u>47.365.000</u>	<u>47.365.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	47.365.000	47.365.000
Số dư cuối kỳ	<u>47.365.000</u>	<u>47.365.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kom Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tân Cường	7.182.843.532	7.182.843.532	7.182.843.532	7.182.843.532
Công ty TNHH Đá Trường Hải	6.593.463.097	6.593.463.097	6.593.463.097	6.593.463.097
Công ty TNHH Đá Châu Âu	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	3.000.000.000	900.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP Nền móng Mindipile	216.124.410	108.062.205	216.124.410	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản và Kiểm định xây dựng Việt Nam	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
Liên đoàn Bản đồ địa chất Miền Bắc	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SME	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.092.431.039</b>	<b>19.884.368.834</b>	<b>22.092.431.039</b>	<b>18.876.306.629</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang (i)	26.853.272.290	-	26.764.026.764	-
<b>Cộng</b>	<b>26.853.272.290</b>	<b>-</b>	<b>26.764.026.764</b>	<b>-</b>

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí thi công hạ tầng kỹ thuật (giao thông, tường kè, tường rào, thoát nước mưa, thoát nước thải) của Dự án Khu Nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kôm Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>210.000.000</b>		<b>12.031.587</b>	
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên (i)	210.000.000	(*)	12.031.587	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Tài Nguyên	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>210.000.000</b>		<b>12.031.587</b>	
				<b>Giá gốc VND</b>
				<b>Giá trị hợp lý VND</b>
				<b>Dự phòng VND</b>
				<b>9.041.597</b>
				<b>9.041.597</b>
				<b>313.355.864</b>
				<b>313.355.864</b>
				<b>322.397.461</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên số 0108268549 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, tổng vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên 50.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã đầu tư 210.000.000 đồng, tương đương 0,42% vốn điều lệ (số đầu năm là 210.000.000 đồng, tương đương 0,42% vốn điều lệ). Số tiền Công ty còn phải góp vào Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ thương mại Tài Nguyên là 49.790.000.000 đồng.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kôm Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Lan Anh Hoa Cường	10.532.989.467	10.532.989.467	10.532.989.467	10.532.989.467
Công ty Cổ phần Kosy	8.513.430.902	8.513.430.902	-	-
Công ty Cổ phần Làng đá Sài Gòn	6.057.707.242	6.057.707.242	6.057.707.242	6.057.707.242
Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuyên	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100	4.128.467.100
Công ty TNHH Xây dựng Việt Đức	1.399.964.168	1.399.964.168	1.399.964.168	1.399.964.168
Các đối tượng khác	3.597.725.780	3.597.725.780	3.648.179.307	3.648.179.307
<b>Cộng</b>	<b>34.230.284.659</b>	<b>34.230.284.659</b>	<b>25.767.307.284</b>	<b>25.767.307.284</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp, bù trừ trong năm		Số cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Thuế GTGT	26.343.673	-	-	-	-	-	26.343.673	
<b>Cộng</b>	<b>26.343.673</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.343.673</b>	
<b>b. Các khoản phải nộp</b>								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	238.488.484	-	-	-	238.488.484	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.633.436	11.209.797	11.209.797	-	13.016.189	-	5.827.044	
<b>Cộng</b>	<b>246.121.920</b>	<b>11.209.797</b>	<b>11.209.797</b>	<b>-</b>	<b>251.504.673</b>	<b>-</b>	<b>5.827.044</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Tư vấn quản lý và Xây dựng Việt Nam (i)	2.309.468.895	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phát triển và Xây dựng THIKECO (ii)	925.823.636	925.823.636
Cục thi hành án Hà Nội (iii)	57.500.000	57.500.000
<b>Cộng</b>	<b>3.292.792.531</b>	<b>983.323.636</b>

- (i) Giá trị hoàn thành và đã nghiệm thu một phần của gói thầu Cung cấp và thi công xây lắp hệ thống điện sinh hoạt và điện chiếu sáng theo Hợp đồng thi công xây dựng số 2601/2018/HĐXD/HĐ-TN thuộc dự án Khu Nhà ở Tân Thanh tại phường Tân Thanh và phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
- (ii) Khoản trích trước chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình. Khoản chi phí phải trả Công ty CP Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO về chi phí khảo sát đo đạc địa hình và lập quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cho dự án Bất động sản tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình, số tiền 925.823.636 đồng. Đến thời điểm 30/06/2020, khoản chi phí trên vẫn chưa được Công ty CP Tư vấn đầu tư phát triển và Xây dựng THIKECO lập hoá đơn và bàn giao cho Công ty CP Tài nguyên.
- (iii) Khoản chi phí phúc thẩm toà án mà Công ty CP Tài nguyên phải trả theo bản án số 142/KDTM-PT ngày 13 tháng 11 năm 2019.

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	24.119.787	20.119.787
Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm tai nạn lao động	48.930.663	-
Bảo hiểm y tế	7.650.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.200.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.078.285.692	4.328.285.692
<u>Trong đó</u>		
Công ty CP Xây dựng Henryco Việt Nam	1.770.575.150	1.920.575.150
Công ty CP Công trình Viettel - Khu vực 4	1.514.110.789	1.514.110.789
Các đối tượng khác	793.599.753	893.599.753
<b>Cộng</b>	<b>4.162.186.142</b>	<b>4.348.405.479</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Nguyễn Như Kôm Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ VND		Trong năm VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
Cộng vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	300.310.000	300.310.000			768.560.000	768.560.000
<b>Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>300.310.000</b>	<b>300.310.000</b>			<b>768.560.000</b>	<b>768.560.000</b>

	Số cuối kỳ VND		Trong năm VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b. Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình (i)	1.087.190.000	1.087.190.000	-	138.780.000	1.225.970.000	1.225.970.000
Bà Đào Lưu Hương	-	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Trung tâm Kinh doanh (ii)	22.750.000	22.750.000	-	68.250.000	91.000.000	91.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.109.940.000</b>	<b>1.109.940.000</b>	<b>-</b>	<b>607.030.000</b>	<b>1.716.970.000</b>	<b>1.716.970.000</b>

<b>Trừ: vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>300.310.000</b>	<b>300.310.000</b>			<b>768.560.000</b>	<b>768.560.000</b>
Bà Đào Lưu Hương	-	-			400.000.000	400.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - PGD Ba Đình	277.560.000	277.560.000			277.560.000	277.560.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Trung tâm Kinh doanh	22.750.000	22.750.000			91.000.000	91.000.000
<b>Cộng vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>809.630.000</b>	<b>809.630.000</b>			<b>948.410.000</b>	<b>948.410.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Tòa nhà Thăng Long, Số 98A Nguyễn Như Kom Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(i) Hợp đồng tín dụng số 079/17/HDTD/0802-6251 ngày 19/05/2017 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Hà Nội - PGD Ba Đình với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 1.943.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung tài sản cố định - Mua xe ô tô Mercedes - Benz E250, thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải số 008/17/HDTTC trị giá 2.429.000.000 đồng, số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 1.087.190.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả 12 tháng tới là 277.560.000 đồng.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 331/2016/HDTDTDH-PN/SNB.110100 ngày 06/09/2016 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Phòng giao dịch Trung Tâm kinh doanh với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 546.000.000 đồng, mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ đi lại, thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ, các hình thức bảo đảm tiền vay: được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay, số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019 là 91.000.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 91.000.000 đồng.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	255.000.000.000	255.000.000.000	2.019.000.000	2.019.000.000	10.711.163.262	267.730.163.262	267.730.163.262
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.944.055.410	2.944.055.410	2.944.055.410
Số dư đầu năm nay	255.000.000.000	255.000.000.000	2.019.000.000	2.019.000.000	13.655.218.672	270.674.218.672	270.674.218.672
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.489.439.989)	(1.489.439.989)	(1.489.439.989)
Số dư cuối kỳ này	255.000.000.000	255.000.000.000	2.019.000.000	2.019.000.000	12.165.778.683	269.184.778.683	269.184.778.683

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	255.000.000.000	255.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>255.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>25.500.000</b>	<b>25.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>25.500.000</b>	<b>25.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	25.500.000	25.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**16. BÁO CÁO BỘ PHẬN*****Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý***

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở duy nhất đặt tại Tầng 8, Toà Nhà Thăng Long, Số 98A Phố Ngụy Như Kôm Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Hoạt động kinh doanh của Công ty mới chỉ diễn ra trong một phạm vi địa lý có điều kiện kinh tế và chính trị tương đối đồng nhất; không chịu sự kiểm soát ngoại hối, không có rủi ro về quản lý tiền tệ của Nhà nước; hoạt động kinh doanh tương đối đồng nhất trong môi trường địa lý đồng nhất. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

***Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh***

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	12.866.920.534	65.754.516.329
<b>Cộng</b>	<b>12.866.920.534</b>	<b>65.754.516.329</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	12.239.482.637	62.360.535.441
<b>Cộng</b>	<b>12.239.482.637</b>	<b>62.360.535.441</b>

**3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	70.345.111	93.636.215
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	(313.355.864)	(254.093.147)
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	2.989.990	9.051.707
<b>Cộng</b>	<b>(240.020.763)</b>	<b>(151.405.225)</b>

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	39.369.474	130.897.632
<b>Cộng</b>	<b>39.369.474</b>	<b>130.897.632</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	564.118.549	890.781.730
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	7.318.182	14.203.807
Chi phí khấu hao TSCĐ	300.870.726	300.870.726
Thuê, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.197.888	624.107.911
Chi phí bằng tiền khác	6.192.910	22.343.208
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.008.062.205	-
<b>Cộng</b>	<b>2.330.760.460</b>	<b>1.855.307.382</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.489.439.989)	1.567.878.903
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	78.708.184	(1.595.833.745)
Các khoản điều chỉnh tăng	78.708.184	78.480.052
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	78.708.184	78.480.052
Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.674.313.797
<i>Lỗi các năm trước chuyển sang</i>	-	1.674.313.797
Thu nhập chịu thuế	(1.410.731.805)	(27.954.842)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

**7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tài Nguyên theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.318.182	14.203.807
Chi phí nhân công	603.488.023	1.395.815.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	300.870.726	300.870.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	444.197.888	9.631.843.466
Chi phí khác bằng tiền	6.192.910	44.540.474
<b>Cộng</b>	<b>1.362.067.729</b>	<b>11.387.274.036</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính:*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN  
 KIỂM TOÁN  
 UỶ BAN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

**Công nợ tài chính**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	144.717.915	397.688.210
Nợ thuần	965.222.085	1.319.281.790
Vốn chủ sở hữu	269.184.778.683	270.674.218.672
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,36%	0,49%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

	Đơn vị: VND		
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.717.915	-	144.717.915
Phải thu khách hàng	146.185.460.627	-	146.185.460.627
Đầu tư	-	210.000.000	210.000.000
Phải thu khác	33.270.193.727	-	33.270.193.727
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	19.884.368.834	-	19.884.368.834
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	12.031.587	12.031.587
<b>Tổng cộng</b>	<b>159.716.003.435</b>	<b>197.968.413</b>	<b>159.913.971.848</b>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	300.310.000	809.630.000	1.109.940.000
Phải trả người bán	34.230.284.659	-	34.230.284.659
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	7.454.978.673	-	7.454.978.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.985.573.332</b>	<b>809.630.000</b>	<b>42.795.203.332</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>117.730.430.103</b>	<b>(611.661.587)</b>	<b>117.118.768.516</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	397.688.210	-	397.688.210
Phải thu khách hàng	136.981.848.039	-	136.981.848.039
Đầu tư	-	15.510.000.000	15.510.000.000
Phải thu khác	10.695.684.832	119.134.200.000	129.829.884.832
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	18.876.306.629	-	18.876.306.629
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	322.397.461	322.397.461
<b>Tổng cộng</b>	<b>129.198.914.452</b>	<b>134.321.802.539</b>	<b>263.520.716.991</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	768.560.000	948.410.000	1.716.970.000
Phải trả người bán	25.767.307.284	-	25.767.307.284
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.331.729.115	-	5.331.729.115
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.867.596.399</b>	<b>948.410.000</b>	<b>32.816.006.399</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>97.331.318.053</b>	<b>133.373.392.539</b>	<b>230.704.710.592</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**

Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kôm Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản cho vay và phải thu	179.455.654.354	147.677.532.871	179.455.654.354	147.677.532.871	
<i>Phải thu khách hàng</i>	146.185.460.627	136.981.848.039	146.185.460.627	136.981.848.039	
<i>Phải thu khác</i>	33.270.193.727	10.695.684.832	33.270.193.727	10.695.684.832	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	144.717.915	397.688.210	144.717.915	397.688.210	
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	144.717.915	397.688.210	144.717.915	397.688.210	
<b>Tổng cộng</b>	<b>179.600.372.269</b>	<b>148.075.221.081</b>	<b>179.600.372.269</b>	<b>148.075.221.081</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
<i>Vay và nợ</i>	1.109.940.000	1.716.970.000	1.109.940.000	1.716.970.000	
<i>Phải trả người bán</i>	34.230.284.659	25.767.307.284	34.230.284.659	25.767.307.284	
<i>Phải trả khác</i>	7.454.978.673	5.331.729.115	7.454.978.673	5.331.729.115	
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.795.203.332</b>	<b>32.816.006.399</b>	<b>42.795.203.332</b>	<b>32.816.006.399</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN**Tầng 8, Toà nhà Thăng Long, Số 98A Ngụy Như Kom Tum,  
Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan**Nguyễn Gia Long  
Nguyễn Bá Huấn  
Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Tài  
Nguyên**Mối quan hệ**Chủ tịch HĐQT  
Thành viên HĐQT kiêm TGD  
Công ty con**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Nguyễn Bá Huấn	-	2.400.000.000

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lương	280.000.000	280.000.000
<b>Cộng</b>	<b>280.000.000</b>	<b>280.000.000</b>

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyễn Thị Hồng Tươi  
Người lập biểuVũ Thị Hồng Nhung  
Kế toán trưởngNguyễn Bá Huấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 08 năm 2020